

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 14/4/2022.  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoàng Long

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Hương.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Hương -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T** – Sinh năm: 1963, có mặt

Địa chỉ: Thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng V** – Sinh năm: 1961, có mặt

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022, quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*** Ông T và bà Nguyễn Thị Hồng V tự nguyện yêu thương và về sống chung với nhau ở xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé (nay thuộc ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) từ đầu năm 1992 không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, cho đến cuối năm 1993 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau nữa. Khi về chung sống hai vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, lý do đăng ký kết hôn là không hiểu biết pháp luật, chỉ biết thương nhau về ở với nhau. Thời gian chung sống mâu thuẫn rất nhiều, lý do mâu thuẫn là không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 1993 đến nay ông T và bà V đã không còn chung sống với nhau. Nay thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông T yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng

giữa ông và bà V.

Quá trình chung sống ông T và bà V có 01 con chung là Trần Thị Thùy Trang, sinh năm 1992; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:** Bà V thống nhất với phần trình bày của ông T về thời gian chung sống, kết hôn, lý do mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý với yêu cầu của ông T

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như phần trình bày của ông T, không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Áp dụng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, tuyên bố không công nhận ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng V là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn” do ông Trần Văn T khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V cư trú tại ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Ông T và bà V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến cuối năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai vợ chồng đã không còn chung sống nhiều năm liền, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà V. Bà V cũng xác định ông T và bà sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Theo biên bản xác minh ngày 04 tháng 4 năm 2022 qua rà soát sổ bộ đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thì từ ngày 01/4/2000 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng V. Việc đăng ký kết hôn từ ngày 31/3/2000 trở về trước được lưu trữ tại UBND xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

[2.3] Tại công văn trả lời số 91/UBND-TP ngày 31/3/2022 của UBND xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thì sổ bộ hộ tịch (sổ đăng ký kết hôn) từ năm 1999 trở về trước hiện không còn lưu trữ tại UBND xã Tân Hưng, các sổ bộ hiện đang lưu trữ tại UBND xã Tân Hưng không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1961.

[2.4] Như vậy, xác định ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng V chung sống với nhau như vợ chồng, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông T, bà V vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung có những mâu thuẫn không hàn gắn được, hai vợ chồng đã không còn chung sống từ cuối năm 1993 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*” thì yêu cầu của ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống ông T và bà V có 1 con chung là: Trần Thị Thùy Trang, sinh năm 1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, cho vay, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng V.

[2]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản, cho vay và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004278 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ông T đã nộp đủ án phí.

[5]. Quyền kháng cáo: Ông T, bà V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hoàng Long**